

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ ÂM NHẠC XNIGHT GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ ÂM NHẠC XNIGHT GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XNIGHT GROUP TECHNOLOGY AND MUSIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110464300

3. Ngày thành lập: 28/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 85, Xóm Đường, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0848430089

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn sách, báo, tạp chí, Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng nội thất	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị cơ khí công nghiệp	4659
11.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
13.	Dịch vụ đóng gói	8292
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
15.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
16.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo kỹ năng mềm và kỹ năng về sự sống	8559
18.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
19.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
20.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
21.	Hoạt động thể thao khác	9319
22.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
23.	Lập trình máy vi tính	6201
24.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
26.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
27.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
28.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet	6399
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ hoạt động đấu giá)	6820
31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
33.	Quảng cáo	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website	7410
36.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
37.	Bán buôn tổng hợp	4690
38.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
39.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
40.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791

41.	Vận tải hàng hóa đường sắt (Điều 21 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP)	4912
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Điều 6, 7, 8, 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP của Chính phủ)	4931
43.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Điều 6, 7, 8, 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP của Chính phủ)	4932
44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô (Điều 9, 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính Phủ)	4933
45.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Điều 5, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP; khoản 2 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP)	5021
46.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Điều 10 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP)	5022
47.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
50.	Bốc xếp hàng hóa	5224
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ khai thuế hải quan	5229
52.	Xuất bản phần mềm	5820
53.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
54.	Hoạt động hậu kỳ (Loại trừ hoạt động báo chí)	5912
55.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Loại trừ hoạt động báo chí)	5913
56.	Hoạt động chiếu phim	5914
57.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920(Chính)

58.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ thoại, Dịch vụ fax, Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ nhắn tin; Dịch vụ kết nối internet; Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng gồm: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax giá tăng giá trị; Dịch vụ truy nhập internet Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
59.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm (trừ cho thuê lao động)	7810
60.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
61.	Xây dựng nhà để ở	4101
62.	Xây dựng nhà không để ở	4102
63.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
64.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
65.	Xây dựng công trình điện	4221
66.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
67.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
68.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
69.	Xây dựng công trình thủy	4291
70.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
71.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
72.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
73.	Phá dỡ	4311
74.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
77.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
78.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	Thôn Khê Nữ, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	0010900314 83	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		
2	NGUYỄN MẠNH TUẤN	Thôn Cán Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	720.000	7.200.000.000	80,000	0010890297 08	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	720.000	7.200.000.000	80,000		

3	NGÔ THẾ TẤN	Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	001200008333
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ THẾ TẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/12/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001200008333

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC QUỲNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 27/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090031483

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Khê Nữ, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Khê Nữ, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội